TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **09**/2019/KDTM-ST
Ngày 08/7/2019
"Tranh chấp HĐ mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Vũ Văn Đức

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hưng và ông Lê Văn Tập.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà H' Michan Niê - Kiểm sát viên**.**

Vào các ngày 05 và 08/7/2019, tại Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2018/TLST-KDTM ngày 10/12/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-KDTM ngày 04/6/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-KDTM ngày 20/6/2019, giữa các đương sự :

**** Nguyên đơn:*** Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Tr

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình T - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số X đường H, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tăng H.

Địa chỉ: Số Y đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - *(Có mặt)*.

**** Bị đơn:*** Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV xây dựng Z

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T - Chức vụ: Giám đốc

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Chu Ngọc Đ.

Địa chỉ: Số L, đường Ng (Km M, Quốc lộ N, phường T), thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 02/5/2014 Công ty TNHH một thành viên xây dựng Z (viết tắt là Công ty Z) có ký hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT/2014 về việc cung cấp đá phục

vụ thi công công trình đường Hồ Chí Minh đoạn qua thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông với Công ty TNHH xây dựng Tr (viết tắt là Công ty Tr); thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 02/5/2014 đến ngày 27/5/2015, tên vật tư: Cấp phối đá dăm loại I. Để thực hiện hợp đồng trên, ngày 15/11/2014, các bên ký thêm hợp đồng thuê xe vận chuyển đá. Quá trình thực hiện và sau khi kết thúc hợp đồng Công ty Tr đã thực hiện đúng thỏa thuận, giao đủ số lượng đá như trong hợp đồng, hóa đơn VAT cũng đã xuất đầy đủ cho Công ty Z. Từ năm 2015 đến nay, ông T - Giám đốc Công ty Tr đã lên Công ty Z để đề nghị thanh toán số tiền như trong hợp đồng nhưng Công ty Z không hợp tác, không thanh toán nợ cho Công ty Tr. Sau khi đối chiếu Công ty Z còn nợ công ty Tr số tiền 382.897.000 đồng. Ngày 13/12/2017 Công ty Z trả cho Công ty Tr số tiền 30.000.000 đồng; ngày 13/02/2018 trả thêm 30.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó mặc dù ông T nhiều lần yêu cầu nhưng Công ty Z không tiếp tục thanh toán cho Công ty Tr.

Vì vậy, Công ty Tr khởi kiện yêu cầu Công ty Z phải trả số tiền 322.897.000 đồng và trả lãi theo lãi suất ngân hàng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ngày 01/02/2019, Công ty Z đã tiếp tục thanh toán thêm cho Công ty Tr số tiền 30.000.000 đồng nên ông T làm đơn xin rút một phần nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty Z phải trả cho Công ty Tr số tiền còn lại là 292.897.000 đồng và trả lãi suất chậm trả theo lãi suất ngân hàng.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại biên bản hòa giải trình bày:*

Ngày 02/5/2014 Công ty Z có ký hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT/2014 về việc cung cấp đá phục vụ thi công công trình đường Hồ Chí Minh đoạn qua thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông với Công ty Tr. Lý do Công ty Z chưa thanh toán cho Công ty Tr là: Việc xác nhận giá trị theo hợp đồng mua bán đá là do xí nghiệp trực thuộc Công ty Z thực hiện nhưng chưa thanh lý hợp đồng để có số nợ cuối cùng; trong thời gian bán hàng chưa xuất hóa đơn bán hàng liên quan đến Luật thuế và xác định hàng hóa có hay không. Về số công nợ cũ là 56.000.000 đồng là đúng, công ty Z cho xí nghiệp đi vay tiền để trả.

Công ty Z xác định chỉ còn nợ của Công ty Tr số tiền 78.315.000 đồng. Ngày 01/02/2019 Công ty Z đã thanh toán cho Công ty Tr số tiền 30.000.000 đồng. Do vậy Công ty Z chỉ đồng ý sẽ trả cho Công ty Tr số tiền còn lại là 48.315.000 đồng. Đối với số tiền lãi thì Công ty Z không đồng ý vì trong hợp đồng không ghi lãi trả chậm.

Tại phiên tòa - phía nguyên đơn có ý kiến: Để tạo điều kiện cho phía bị đơn thanh toán hết số tiền nợ gốc còn lại, phía nguyên đơn tiếp tục rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tính lãi suất từ khi chậm thanh toán đến khi xét xử. Phía nguyên đơn chỉ yêu cầu Công ty Z phải trả cho Công ty Tr số tiền còn lại là 292.897.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất chậm trả trong quá trình thi hành án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là "Tranh chấp hợp đồng mua bán" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, 39, 144, 147, 203, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428, 432, 438 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tr. Buộc Công ty Z có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tr số tiền 292.897.000 đồng; Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án, nội dung đơn khởi kiện và việc xác nhận của bị đơn thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"; Bị đơn có trụ sở tại TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn - Công ty Z mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng nhiều lần vắng mặt người đại diện hợp pháp, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án; Tại phiên tòa, phía bị đơn - Công ty Z vắng mặt không có lý do. Vì vậy HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt bị đơn.

[3]. Về nội dung:

Ngày 02/5/2014 và ngày 15/11/2014, Công ty Z và Công ty Tr có ký kết 02 hợp đồng kinh tế về việc cung cấp và vận chuyển vật tư cấp phối đá dăm phục vụ thi công công trình tại thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Việc ký kết, thực hiện hợp đồng và đối chiếu công nợ về phía Công ty Tr là do Chi nhánh của Công ty Tr thực hiện theo sự ủy quyền của Công ty Tr; còn phía Công ty Z là Xí nghiệp trực thuộc Công ty Z thực hiện và Công ty Z có biết, xác nhận. Sau khi kết thúc hợp đồng, đối chiếu và thống nhất số liệu công nợ, Công ty Z còn nợ lại số tiền 382.897.000 đồng thì Công ty Z cũng đã 03 lần thực hiện việc

thanh toán, mỗi lần 30.000.000 đồng cho phía Công ty Tr, trong đó có lần thanh toán sau khi Công ty Tr khởi kiện vụ án tại Tòa án.

HĐXX xét thấy việc các bên tự nguyện thỏa thuận, ký và thực hiện hợp đồng là có trên thực tế, phù hợp quy định của pháp luật, không bên nào tranh chấp về việc ký kết hay về hiệu lực hợp đồng, do đó các hợp đồng là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên sau khi đối chiếu công nợ, phía Công ty Z chỉ thanh toán một phần trong số nợ còn lại là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp của Công ty Tr. Do đó việc Công ty Tr khởi kiện yêu cầu Công ty Z thanh toán số tiền nợ mua hàng còn lại là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Xét việc phía nguyên đơn xin rút một phần nội dung khởi kiện về số tiền nợ gốc (giảm 30.000.000 đồng do phía bị đơn đã thanh toán thêm), rút yêu cầu bị đơn trả lãi (từ khi chậm trả cho đến khi xét xử sơ thẩm vụ án) và không đưa ra yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, HĐXX cần chấp nhận và không tiếp tục đề cập, xem xét giải quyết.

[4]. Về việc Công ty Z cho rằng chỉ đồng ý trả thêm 48.315.000 đồng và không đồng ý trả 244.582.000 đồng cho Công ty Tr vì không có căn cứ thanh toán do chưa có thủ tục xác nhận về giá trị thực tế; chưa thanh lý hợp đồng; chưa xuất hóa đơn bán hàng... HĐXX xét thấy ý kiến và lý do phía Công ty Z đưa ra là không phù hợp, bởi lẽ: Theo Điều 4 hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT/2014 thì *"Khi bên B cung cấp cho bên A khoảng 3.000m^3 đá các loại thì hai bên tiến hành đối chiếu và xác nhận khối lượng thực hiện. Bên A thanh toán 100% giá trị thực hiện trong vòng 10 ngày cho bên B"*. Trên thực tế giữa chi nhánh của Công ty Tr và Xí nghiệp (đơn vị trực thuộc Công ty Z) đã ký biên bản đối chiếu, thống nhất công nợ vào ngày 13/11/2017, sau đó phía Công ty Z đã tiếp tục thanh toán cho Công ty Tr thêm 03 đợt, tổng cộng 90.000.000 đồng, đồng thời Công ty Z vẫn đồng ý sẽ thanh toán thêm 48.315.000 đồng cho Công ty Tr; Ngoài ra Công ty Tr cũng đã xuất hóa đơn và nhiều lần yêu cầu Công ty Z thanh toán, thanh lý hợp đồng nhưng Công ty Z không thiện chí hợp tác, không chấp nhận nên không thể thực hiện được.

Từ những nhận định trên, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện đã thay đổi, rút một phần của phía nguyên đơn, cần buộc phía bị đơn - Công ty Z phải thanh toán cho Công ty Tr số tiền gốc còn nợ là 292.897.000 đồng.

[5]. Về án phí:

Nguyên đơn - Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Tr được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp;

Bị đơn - Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV xây dựng Z phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 292.897.000 đồng x 5% = 14.644.850 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 24, Điều 34, Điều 50, 51, 55 Luật thương mại;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đã thay đổi, rút một phần của phía của nguyên đơn - Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Tr. Buộc bị đơn - Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV xây dựng Z phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Tr số tiền nợ: 292.897.000 đồng *(Hai trăm chín mươi hai triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng)*.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Nguyên đơn - Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Tr được nhận lại 8.072.000 đồng *(Tám triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai AA/2017/0008398 ngày 01/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn - Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV xây dựng Z phải nộp 14.644.850 đồng *(Mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm năm mươi đồng)* tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi ành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*"

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh ĐắkLắk;*
- *VKSND tỉnh ĐắkLắk;*
- *VKSND TP.BMT;*
- *Chi cục THA DS BMT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký, đóng dấu)

Vũ Văn Đức